TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2023/DS-ST
Ngày 02 – 10 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đỗ Văn V, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lương Thị Hồng M, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (theo văn bản ủy quyền ngày 29-11-2022, có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Đặng Chí T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn T1; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 07-9-2019 âm lịch (nhằm ngày 05-10-2019 dương lịch), ông Đổ Văn V cho vợ chồng ông Đặng Chí T, bà Nguyễn Thị D vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, đóng lãi hàng tháng, thỏa thuận có làm biên nhận do ông Đặng Chí T viết và ký tên. Đồng thời, vợ chồng ông T gửi cho ông V giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 008471 do UBND thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Đặng Chí T, bà Nguyễn Thị D ngày 09-9-2013 để làm tin. Sau khi vay, vợ chồng ông T không đóng lãi và trả tiền vốn cho ông V theo thỏa thuận.

Theo đơn khởi kiện, ông Đổ Văn V yêu cầu ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị D trả cho ông số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 05-10-2019 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm.

Ý kiến của bị đơn Đặng Chí T:

Vào năm 2019, ông Nguyễn Văn T1 đến gặp ông đề nghị liên hệ vay tiền dùm cho ông để ông có tiền thực hiện công trình đã nhận thầu. Ông đồng ý và đưa bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 008471 do UBND thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Đặng Chí T, bà Nguyễn Thị D ngày 09-9-2013, phô tô Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu đưa cho ông T1 để vay tiền của Ngân hàng TMCP L. Khi đó, ông có ký và viết tên vào 01 tờ giấy tập học sinh do ông T1 đưa nhưng không có ghi nội dung gì. Sau đó, do không vay được tiền nên ông đòi lại các giấy tờ đã đưa cho ông T1 thì ông T1 không trả. Khoảng 01 năm sau thì ông Đổ Văn V đưa ra biên nhận ghi ngày 07-9-2019 âm lịch và đòi ông phải trả số tiền nợ 80.000.000 đồng.

Bị đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết tên Đặng Chí T bên dưới Biên nhận nợ ngày 07-9-2019 âm lịch là chữ ký, chữ viết của bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng ông chỉ ký, viết tên chứ không biết có nội dung vay tiền và không có nhận tiền hay giao dịch gì với ông Đổ Văn V. Vì vậy, bị đơn yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà D. Tuy nhiên, bà D không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Người làm chứng Nguyễn Văn T1 trình bày:

Vào năm 2019, sau khi vay tiền tại Ngân hàng không được, ông Đặng Chí T nhờ ông giới thiệu người khác cho ông T vay tiền. Sau đó, ông đã giới thiệu ông T với ông Đổ Văn V và được ông V chấp nhận cho vay số tiền 80.000.000 đồng. Ngày 07-9-2019 âm lịch, ông V và ông T đến nhà ông nhờ ông viết dùm biên nhận. Biên nhận viết xong có đọc lại và cho các bên xem lại, tất cả đồng ý ký tên. Ông V giao tiền cho ông T, ông T có kiểm đếm lại số tiền đủ và giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản sao Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu cho ông V giữ. Do đó, trong vụ việc này, ông Nguyễn Văn T1 xác nhận rằng ông chỉ là người chứng kiến sự việc các bên thỏa thuận vay tiền và lập biên nhận dùm cho

hai bên. Ngoài ra, ông không có liên quan gì, không có nhận tiền hay giữ giấy tờ gì của hai bên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Đặng Chí T đang cư trú tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Đặng Chí T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông T và bà D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc đã vay tổng cộng 80.000.000 đồng: Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp biên nhận thể hiện chữ ký, chữ viết của bị đơn Đặng Chí T, nội dung thể hiện rõ ông Đặng Chí T có vay của anh Đỗ Văn V số tiền 80.000.000 đồng. Đồng thời, nguyên đơn đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 008471 do UBND thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Đặng Chí T, bà Nguyễn Thị D ngày 09-9-2013, đối với thửa đất số 610, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, việc thỏa thuận vay tiền và giao giấy tờ bảo đảm nêu trên được xác nhận của người làm chứng là ông Nguyễn Văn T1.

[4] Bị đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên nhận vay tiền ngày 07-9-2019 âm lịch là của bị đơn, không thừa nhận có nhận tiền vay. Lý do bị đơn đưa ra là vì ông có đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhờ ông Nguyễn Văn T1 làm thủ tục vay tiền dùm. Khi ông T1 đưa 01 tờ giấy trắng kêu ông ký tên thì ông ký chứ không có ghi nội dung gì, đến khi ông V đòi nợ thì ông mới biết được nội dung của tờ biên nhận đó. HĐXX xét thấy, ông Đặng Chí T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã tự ký kết vào biên nhận vay tiền bằng ý chí tự nguyện của mình. Nay ông cho rằng có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng vay và cho rằng mình không nhận được tiền vay nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu,

chứng cứ nào để chứng minh cho các tình tiết, sự kiện mà mình nêu ra. Do đó, HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án, xác định việc ông Đặng Chí T đã vay của ông Đỗ Văn V số tiền 80.000.000 đồng với các thỏa thuận ghi tại "Biên nhận (hợp đồng vay tiền)" ngày 07-9-2019 âm lịch là sự việc có thật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay còn thiếu là 80.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi kể từ ngày vay (ngày 05-10-2019 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm: Theo nội dung biên nhận vay tiền, các bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ, nhưng có thỏa thuận về việc trả lãi, theo đó bên vay có nghĩa vụ đóng lãi hằng tháng cho bên cho vay với mức lãi suất 5%/tháng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là có căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuy nhiên, mức lãi suất thỏa thuận 5%/tháng là vượt quá mức lãi suất được pháp luật quy định. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 20%/năm (tương ứng 1,66%/tháng) là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận. Do đó, số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn = 80.000.000 đồng x 03 năm, 11 tháng, 27 ngày x 1,66%/tháng = 63.611.200 đồng.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới cùng với ông Đặng Chí T trả số tiền vay: Mặc dù bà D không ký tên vào biên nhận vay tiền, nhưng đây là khoản nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị D không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các khoản vay này là nợ riêng của ông T. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà D có trách nhiệm liên đới cùng với ông T trả số tiền nợ vay là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Đối với việc bị đơn khi vay tiền có giao cho nguyên đơn 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thỏa thuận để thế chấp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, xét thấy: Việc thế chấp giữa nguyên đơn và bị đơn chưa được đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai nên chưa có hiệu lực, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 188 của Luật Đất đai. Do yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã được HĐXX chấp nhận. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 008471 do UBND thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Đặng Chí T, bà Nguyễn Thị D ngày 09-9-2013, đối với thửa đất số 610, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn Đặng Chí T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Văn V.

Buộc bị đơn Đặng Chí T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Đỗ Văn V số tiền vay còn nợ tổng cộng là 143.611.200 đồng, trong đó vốn gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi 63.611.200 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Buộc nguyên đơn Đỗ Văn V có nghĩa vụ trả cho bị đơn Đặng Chí T và Nguyễn Thị D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 008471 do UBND thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Đặng Chí T, bà Nguyễn Thị D ngày 09-9-2013, đối với thửa đất số 610, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.180.560 đồng.

- Nguyên đơn ông Đỗ Văn V không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Đỗ Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.250.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0006394 ngày 12-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người

đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm